

Số: 97 /KH-UBND

Sơn Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

KẾ HOẠCH
Về đào tạo nghề cho lao động nông thôn
năm 2020 trên địa bàn huyện

Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định danh mục đào tạo nghề, mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang năm 2020; Kế hoạch số 17/KH-SLĐTBXH ngày 06/3/2020 của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang về việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Văn bản số 300/SNN-PTNT ngày 10/3/2020 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc triển khai kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020;

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn huyện, đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động nông thôn và yêu cầu của thị trường lao động.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn; đạt mục tiêu tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Đào tạo theo nhu cầu học nghề của người lao động, yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đảm bảo đào tạo nghề đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách theo quy định.

- Cơ sở tham gia đào tạo nghề phải có đủ điều kiện, được hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân.

- Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Người khuyết tật.

- Người thuộc hộ cận nghèo.

- Người học là phụ nữ, lao động nông thôn khác.

2. Điều kiện người lao động được hỗ trợ học nghề.

2.1. Trong độ tuổi lao động (*nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi*), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, không biết viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

2.2. Có phương án tự tạo việc làm đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

2.3. Đối với người lao động ở nông thôn: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại các xã, thị trấn trực tiếp làm nông nghiệp hoặc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

2.4. Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật hoặc thẻ xác nhận là người khuyết tật hoặc sổ lĩnh tiền trợ cấp hàng tháng.

2.5. Đối với người lao động bị mất việc làm:

+ Trường hợp làm việc theo hợp đồng lao động có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

+ Trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Có giấy xác nhận của người sử dụng lao động.

+ Trường hợp tự tạo việc làm: Có giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của UBND cấp xã (*trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh*).

2.6. Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ nêu tại điểm 2. 5 nêu trên, mục 2 cần bổ sung thêm chứng nhận đã hoàn thành khoá đào tạo trước đó.

2.7. Đối với người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh: Quyết định thu hồi đất còn trong thời hạn được hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất (*sau đây gọi là Quyết định 63/2015/QĐ-TTg*).

* *Lưu ý:* Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước, những người trước đây đã được hỗ trợ đào tạo theo các chính sách khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định này. Trường hợp người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định, nhưng tối đa không quá 03 lần/người.

3. Hồ sơ học nghề

3.1. Hồ sơ của người có nguyện vọng học nghề gồm:

- Đơn đăng ký học nghề có xác nhận của chính quyền địa phương (*Có mẫu số 01 kèm theo*).

- 01 bản photo giấy tờ chứng minh nhân dân là một trong các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ học nghề.

3.2. Nộp hồ sơ học nghề: Sau khi hoàn thiện hồ sơ học nghề, lao động nông thôn có nguyện vọng học nghề có thể nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã, thị trấn hoặc phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện.

4. Quy mô lớp học

- Số lượng: Tối đa 35 học viên/lớp.

- Thời gian đào tạo: Từ 01 tháng đến 03 tháng (*ngành phi nông nghiệp là 03 tháng; ngành nông nghiệp là 01 tháng*).

5. Trình độ người học sau đào tạo: Hoàn thành khóa học, học viên được kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu sẽ được các cơ sở đào tạo nghề cấp chứng chỉ và chứng nhận nghề theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Ngành nghề đào tạo

6.1. Nghề thuộc lĩnh vực phi nông nghiệp:

- Hàn;
- Điện dân dụng;
- Điện tử dân dụng;
- Cắt gọt kim loại;
- Sửa chữa, lắp ráp xe máy;
- Công nghệ ô tô
- Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính
- Kỹ thuật máy nông nghiệp;
- Kỹ thuật xây dựng;
- Thêu ren mỹ thuật;
- May thời trang;
- Mộc dân dụng;
- Sản xuất mây, tre đan;
- Kỹ thuật làm chổi chít;
- Chăm sóc sắc đẹp;

- Làm hương, vàng mã;
- Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn;
- Hướng dẫn viên du lịch.

6.2. Nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp:

- Trồng cây công nghiệp;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng rau;
- Trồng nấm;
- Thú Y;
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Chăn nuôi thủy sản nước ngọt;
- Bảo vệ thực vật;
- Lâm sinh.

7. Số lượng, kinh phí đào tạo

- Tổng số lớp: 16 lớp, trong đó:
- + Nghề phi nông nghiệp: 06 lớp.
- + Nghề nông nghiệp: 10 lớp.
- Tổng số học viên: 560 học viên.

(Có biểu kế hoạch đào tạo nghề năm 2020 kèm theo)

- Kinh phí và định mức đào tạo: Từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định danh mục đào tạo nghề, mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

8. Phương thức dạy nghề: Đào tạo tập trung tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện và tại địa bàn của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các thôn và tại các mô hình thực tế sản xuất nông nghiệp, kinh doanh tùy theo chương trình đào tạo, đặc thù của từng nghề.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức đào tạo, quản lý sử dụng kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được áp dụng thực hiện theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định danh mục đào tạo nghề, mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề

dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện như sau:

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị liên quan để tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện; quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đúng quy định.

- Phối hợp với cơ sở dạy nghề tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề liên hệ, giới thiệu việc làm cho người lao động, đảm bảo trên 70% người học gắn và tạo được việc làm sau khi học nghề, ký hợp đồng với các doanh nghiệp để nhận lao động vào làm việc khi hoàn thành khóa học.

- Ký hợp đồng với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của huyện để tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020. Đảm bảo tuyển sinh đủ số lượng, đúng đối tượng, đảm bảo đạt hiệu quả.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau khi học nghề trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn, đảm bảo công tác dạy nghề đạt chất lượng, đúng quy định.

- Định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, năm tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện báo cáo đánh giá kết quả thực hiện việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tổng hợp, báo cáo (theo biểu mẫu số 02) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh theo quy định.

- Tổng hợp danh sách trích ngang số lao động nông thôn đã học nghề (theo mẫu biểu số 03) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 25/12/2020.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuộc lĩnh vực Nông nghiệp năm 2020; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Phối hợp với cơ sở dạy nghề tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau khi học nghề, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp làm tốt công tác tuyển chọn lao động vào làm việc khi hoàn thành khóa học.

- Ký hợp đồng với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của huyện để tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020. Đảm

bảo tuyến sinh đủ số lượng, đúng đối tượng, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, đạt hiệu quả.

- Thường xuyên theo dõi đánh giá tình hình lao động ở các lĩnh vực nông nghiệp, xác định cơ cấu, chuyển dịch lao động trong các ngành kinh tế; việc đào tạo nghề cho lao động gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh theo quy định.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn đảm bảo theo đúng quy định.

4. Phòng Dân tộc huyện: Triển khai tuyên truyền các chính sách trong Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho các đối tượng người dân tộc, nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện về công tác đào tạo nghề, tạo việc làm.

5. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện và các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch dạy nghề, lựa chọn ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của người học, doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động gửi kế hoạch cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh trước khi tổ chức đào tạo để theo dõi, giám sát tổ chức thực hiện, chuẩn bị giáo trình các môn học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững của huyện; lựa chọn ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động.

- Ký hợp đồng với phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo kế hoạch; bố trí đội ngũ giáo viên đào tạo nghề đảm bảo về trình độ chuyên môn, các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo nghề đạt chất lượng và hiệu quả; gắn đào tạo với liên doanh, liên kết và thực tiễn sản xuất tại địa phương, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

- Liên hệ và giới thiệu việc làm cho lao động, ký hợp đồng với các doanh nghiệp để nhận lao động vào làm việc khi hoàn thành khóa học. Không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động trước khi học.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, chất lượng, thời gian, số học viên tham gia học nghề của các lớp học do cơ sở đào tạo. Nếu cơ sở tổ chức dạy nghề không đúng quy định thì tổ chức xuất toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, kịp thời hỗ trợ đào tạo đối với người học, không để thất thoát; tập hợp, lưu trữ và quản lý chứng từ thu, chi thanh toán theo chế độ kế toán hiện hành; chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xác định đối tượng tham gia học nghề để có căn cứ hỗ trợ theo quy định; theo dõi, thống kê tình trạng việc làm,

thu nhập của lao động nông thôn sau khi học nghề.

- Định kỳ hằng tháng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện (theo biểu mẫu số 02) về công tác dạy nghề cho lao động nông thôn với Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp) báo cáo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh trước ngày 20 hàng tháng.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch 6 tháng, cả năm (có đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm, kiến nghị, đề xuất đối với các cấp nếu có); lập danh sách trích ngang số lao động nông thôn đã học nghề trong năm (theo mẫu biểu số 03) với Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp) báo cáo gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

6. Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và Thể thao huyện

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người lao động về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác dạy nghề nói chung, đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng trong tình hình hiện nay. Đăng tải nội dung kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện trên Cổng thông tin điện tử của huyện.

7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của huyện trên địa bàn, sát thực với nhu cầu của người lao động và hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan, ngành chức năng của huyện, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các đơn vị tuyển dụng lao động để chỉ đạo thực hiện công tác rà soát nhu cầu học nghề, lựa chọn lĩnh vực ngành nghề, tổ chức các lớp đào tạo nghề tại địa phương; theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau khi học nghề.

- Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về chế độ và quyền lợi của người lao động khi tham gia học nghề (theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

- Định kỳ hằng tháng, quý, năm báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp) trước ngày 25 hàng tháng, báo cáo quý trước ngày 25 của tháng cuối quý, báo cáo năm trước ngày 20/12/2020.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TB&XH tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện (Báo cáo);
- Các Phó CT UBND huyện (Chỉ đạo);
- Các phòng: NN&PTNT, LĐ-TB&XH, Dân tộc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông và TT huyện;
- Các PCVP UBND, HĐND huyện;
- Chuyên viên VX;
- Lưu: VT. PLĐ b.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Nhị Bình

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 9/KH-UBND ngày 20/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện)



TT	Nội dung	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lớp	Số học viên (người)	Địa điểm mở lớp	Ghi chú
I	Người dân tộc thiểu số, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân		16	560		
1	Lĩnh vực phi nông nghiệp		6	210	Tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	
	Nghề nhóm I	3	2	70		
	Nghề nhóm II	3	4	140		
2	Lĩnh vực nông nghiệp		10	350	Tại Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	
	Nghề nhóm III	1	10	350		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC NGHỀ

Họ và tên: : Nam, : Nữ
 Sinh ngày.....thángnăm Dân tộc:Tôn giáo:.....
 Số CMTND:Nơi cấp:.....Ngày cấp:.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 Chỗ ở hiện tại:
 Trình độ học vấn:Điện thoại liên hệ:
 Thuộc đối tượng (*Ghi rõ thuộc đối tượng nào*)

Tôi chưa được hỗ trợ học nghề theo chính sách của Quyết định 1956; chưa được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước. Nay tôi làm đơn đăng ký học nghề:..... do (CSGDNN):.....
tổ chức đào tạo tại:.....

Dự kiến việc làm sau khi học (*Đề nghị đánh dấu vào 1 trong 4 ô trống*):

- Tự tạo việc làm.
 Được doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm
 Được doanh nghiệp, người sử dụng lao động ký hợp đồng lao động
 Đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Nếu được tham gia lớp học, tôi xin chấp hành nội quy lớp học, quy định của cơ sở dạy nghề.

Tôi xin cam đoan những thông tin trên hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì không đúng, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

Xác nhận của UBND cấp xã: , ngày tháng năm 20....
 Xác nhận Ông (bà) có hộ khẩu
 thường trú/tạm trú tại xã:.....
 và thuộc diện đối tượng (1):
TM. UBND xã
 (*Ký tên và đóng dấu*)

Người viết đơn
(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

(1) Ghi cụ thể đối tượng của người có đơn đăng ký học nghề.

- Ví dụ: - Người khuyết tật.
 - Người thuộc hộ nghèo.
 - Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng.

TỔNG HỢP**Tiến độ và kết quả thực hiện công tác dạy nghề cho lao động nông thôn đến ngày 20/.../20...**

Đơn vị: Người

TT	Tên ngành nghề đào tạo	Địa điểm mở lớp (1)	Kế hoạch đào tạo (2)	Thời gian thực hiện (3)	Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn và việc làm sau học nghề														Tên giáo viên dạy nghề	
					Tổng số học viên	Nữ	Đối tượng tham gia học nghề								Tổng số người sau học nghề có việc làm	Trong đó				
							Người khuyết tật	Người hưởng chính sách ưu đãi NCC	Người thuộc hộ nghèo	Người bị thu hồi đất canh tác	Người dân tộc thiểu số	Người thuộc hộ cận nghèo	Lao động nông thôn khác	Được DN tuyển dụng		Được DN bao tiêu sản phẩm	Tự tạo việc làm	Thành lập tổ SX, HTX, DN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
I	Nghề lĩnh vực phi N.nghiệp																			
1																				
..																				
II	Nghề lĩnh vực Nông nghiệp																			
1																				
..																				
Tổng số																				

Ghi chú:

- Cột 6 = 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13 + 14; Cột 15 = 16 + 17 + 18 + 19.
- (1) Ghi rõ địa điểm mở lớp: Ví dụ: Nhà Văn hóa thôn Sông Lô 6, xã An Tường, thành phố Tuyên Quang.
- (2) Kế hoạch đào tạo ghi cụ thể là lớp 01 tháng hay 03 tháng.
- (3) Thời gian thực hiện ghi cụ thể thực hiện từ ngày/tháng đến ngày/tháng nào.
- (4) Đối với lớp đang học ghi số học viên đang học, đối với lớp tốt nghiệp ghi số học viên đã tốt nghiệp.
- (8, 9, 10, 11, 12, 13, ...) Ghi cụ thể, chính xác thực tế số đối tượng tham gia học nghề. Không căn cứ kinh phí hỗ trợ học nghề để ghi, xác định đối tượng.

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP
LAO ĐỘNG NÔNG THÔN THAM GIA HỌC NGHỀ THEO ĐỀ ÁN 1956
NĂM**

TT	Họ và tên	Giới tính		Ngày, tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ thường trú	Đối tượng thuộc diện	Nghề đào tạo	Địa điểm mở lớp	Thời gian học	Quyết định tốt nghiệp (Số; ngày, tháng, năm)	Số hiệu tốt nghiệp
		Nam	Nữ									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	<i>Ví dụ:</i> Nguyễn Văn A	Nam		9/2/1980	Kinh	Thôn, xã, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	01	Kỹ thuật máy nông nghiệp	Thôn....., xã	3 tháng	Số: 02/QĐ- TCN 25/7/2017	0089
2												
3												
..												

Lưu ý:

Cột 8: Đối tượng thuộc diện là lao động nông thôn học nghề thuộc đối tượng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg.

- Nếu là người khuyết tật thì ghi là 01;

- Nếu là người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. thì ghi là 02;

- Nếu là người dân tộc thiểu số, người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân. thì ghi là 03.

- Nếu là người hộ cận nghèo.

- Người học là phụ nữ, lao động nông thôn khác.

Ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)